

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN QUỲNH PHỤ  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:16/2021/HNGĐ-ST

Ngày 08 tháng 02 năm 2021

*V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đỗ Đức Nhân

2. Bà Nguyễn Thị Huệ

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Lan Hương- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐXX-ST ngày 20/01/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2021 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Hà Thị D, sinh năm 1994

Hộ khẩu thường trú: Thôn D2, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

**2. Bị đơn:** Anh Bùi Hữu Th, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn D2, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Chị D có mặt, anh Th vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình thì nguyên đơn là chị Hà Thị D có yêu cầu khởi kiện và trình bày tại phiên tòa như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Bùi Hữu Th do tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 27/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tại nhà anh Th ở Thôn D2, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm thì

phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi cọ nhau. Từ tháng 11 năm 2019, Chị D về nhà bố mẹ đẻ ở Thôn N, xã Đ, thành phố T sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th.

Về con chung: Chị Hà Thị D trình bày, chị và anh Bùi Hữu Th có 01 con chung là Bùi Hữu Bảo N, sinh ngày 24/11/2017. Hiện nay con chung đang ở cùng anh Th. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Hiện nay, Chị D không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Anh Bùi Hữu Th vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên không có ý kiến trình bày.

- Biên bản xác minh với bố đẻ anh Th là ông Bùi Hữu Ch, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn D2, xã Đ, huyện Q, tỉnh Thái Bình thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Ch xác nhận về thời gian, hoàn cảnh, điều kiện kết hôn giữa chị Hà Thị D và anh Bùi Hữu Th như chị D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, Chị D và anh Th chung sống cùng gia đình ông ở thôn D2, xã Đ. Quá trình chung sống ông không thấy vợ chồng có mâu thuẫn gì. Khoảng tháng 11/2019 chị D bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Đ, thành phố T sinh sống cho đến nay. Anh Th đã 02 lần đến tìm Chị D về nhưng Chị D không về. Nay Chị D xin ly hôn anh Th, quan điểm của ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng Chị D, anh Th có 01 con chung là cháu Bùi Hữu Bảo N, sinh ngày 24/11/2017. Hiện nay cháu N đang ở cùng anh Th và gia đình ông, do anh Th chu cấp mọi chi phí nuôi dưỡng, sinh hoạt, học tập. Nếu vợ chồng ly hôn, gia đình ông nhất trí với ý kiến của Chị D, để anh Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu N vì từ trước đến nay cháu vẫn ở cùng gia đình ông, được gia đình chăm sóc chu đáo, cho học tập đầy đủ. Việc cấp dưỡng nuôi con, gia đình không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Choát không nắm được.

Ông Choát cũng cung cấp thêm: Hiện nay anh Th vẫn cư trú tại Thôn D2, xã Đ, huyện Q, anh Th đi làm công nhân ở gần nhà, sáng đi làm tối về gia đình. Quan điểm của anh Th sau khi được ông giao lại toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án đó là: Anh nhất trí ly hôn với Chị D song để Chị D tự giải quyết; về con chung: Anh Th nhất trí nhận nuôi dưỡng con chung Bùi Hữu Bảo N, không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con; về tài sản: Anh Th không có ý kiến đề nghị gì.

- Tại phiên toà, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành

đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Bùi Hữu Th; về con chung: Đề nghị giao anh Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Hữu Bảo N, anh Th không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; về án phí: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Hà Thị D và anh Bùi Hữu Th là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn có địa chỉ tại xã Đ, huyện Q nên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn đã được Tòa án hai lần triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc thu thập chứng cứ, xác minh về tình trạng hôn nhân, điều kiện nuôi dưỡng con chung vì vậy đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa là đúng theo Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân của Chị D, anh Th được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn và chung sống được khoảng 03 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn tới vợ chồng xảy ra cãi cọ lẫn nhau. Chị D cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, anh Th thông qua gia đình cũng nhất trí ly hôn. Như vậy có cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị D, anh Th đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D xử cho chị được ly hôn anh Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Chị D, anh Th có 01 con chung là Bùi Hữu Bảo N, sinh ngày 24/11/2017. Ly hôn, Chị D đề nghị Tòa án giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, chị không phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom con chung. Xét thấy, cháu N đã trên 36 tháng tuổi, từ trước đến nay cháu N vẫn ở cùng anh Th và ông bà nội, cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường. Anh Th và gia đình cũng nhất trí nhận nuôi cháu N, không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử cần áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Bùi Hữu Bảo N cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng, Chị D không phải góp tiền cấp

dưỡng nuôi con vì anh Th không yêu cầu. Chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D không yêu cầu giải quyết, anh Th không trực tiếp bày tỏ quan điểm nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị D phải nộp án phí dân sự sơ thẩm; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị D được ly hôn anh Bùi Hữu Th.

2. Về quan hệ con chung: Xử giao anh Bùi Hữu Th trực tiếp nuôi dưỡng con chung Bùi Hữu Bảo N, sinh ngày 24/11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi theo quy định của pháp luật. Anh Th không yêu cầu Chị D phải góp tiền cấp dưỡng nuôi con, Chị D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Chị Hà Thị D phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) Chị D đã nộp theo Biên lai thu số 0004665 ngày 23/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí dân sự sơ thẩm, Chị D đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

Chị Hà Thị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Bùi Hữu Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS h. Quỳnh Phụ;
- UBND xã Đ, h. Q
- (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Phụng**